TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2020/DS-PT
Ngày: 13/5/2020
V/v kiện đòi lại tài sản và hủy quyết định cá biệt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2018 về việc "Kiện đòi lại tài sản và hủy quyết định cá biệt" do có kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2785/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị X, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp Chà L, xã Minh Đ, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 4, xã Hưng Th, huyện Hưng Ng, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

**** Bị đơn:*** Bà Hồ Thị Th1, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm Hòa Đ1, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Th2; địa chỉ: Khối 12, thị trấn Hưng Ng, huyện Hưng Ng, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Lưu Văn Q1; địa chỉ: Thôn Khê Ng1, xã Văn Kh, huyện Mê L2, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trương Thị L3, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp 5, xã Đồng N, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trương Thị Nh, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp 2, xã Đồng N, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 2, xã IaKaRiêng, huyện Đắc C, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Trương Thị M, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp 5, xã Đồng N, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L3, bà Nh, bà Tr, bà M: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 4, xã Hưng Th, huyện Hưng Ng, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Trương Thị C1, sinh năm 1931; địa chỉ: Xóm Hòa Đ1, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Trương Đắc Th3, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm Hòa Đ1, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th3: Ông Trương Văn Kh1, sinh năm 1966; địa chỉ: Đội 2, xã Mạ Th4, huyện Yên Th4, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

7. Anh Trương Ch, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm Hòa Đ1, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1, anh Ch: Ông Trương Đắc Đ2, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm Hòa Đ1, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

8. Chị Trương Thị Th4, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm Hòa Đ1, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th4: Bà Nguyễn Thị Th2; địa chỉ: Khối 12, thị trấn Hưng Ng, huyện Hưng Ng, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Chị Trương Thị Th5, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Hòa Đ1, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa bà Trương Thị X; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L3, Trương Thị Nh, Trương Thị Tr, Trương Thị M và Người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà L3, bà Nh, bà Tr, bà M thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 5 (BĐ 299) nay là thửa số 702, tờ bản đồ số 115-74, thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An có diện tích 363m^2 (diện tích đo thực tế là 33 l,7m^2) có nguồn gốc là do bố mẹ của 5 chị em bà X là Trương Đắc Nh1 (mất năm 1988) và bà Nguyễn Thị H1 (mất năm 1963) sinh sống, sử dụng từ năm 1945. Kể từ khi còn nhỏ cho đến khi trưởng thành chỉ có 5 chị em bà X cùng với bố mẹ là ông Trương Đắc Nh1 và bà Nguyễn Thị H1 sinh sống trên đất này. Các con gái của ông Trương Đắc Nh1 và bà Nguyễn Thị H1 là bà X, bà Nh, bà Tr, bà M, bà L3 khi trưởng thành đều lấy chồng và sinh sống gần đó.

Năm 1996, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên 5 chị em bà X phải di dân vào miền Nam kiếm sống. Việc đi lại gặp nhiều khó khăn, nên nhờ ông Trương Đắc Th6 (con chú ruột) và vợ là bà Hồ Thị Th1 trông coi hộ tài sản là đất đai do bố mẹ để lại, đồng thời hương khói cho bố mẹ. Giữa bà X, bà Nh, bà Tr, bà M, bà L3 là những người thuộc hàng thừa kế của ông Trương Đắc Nh1 và bà Nguyễn Thị H1; ông Trương Đắc Th6 và bà Hồ Thị Th1 không có bất cứ văn bản nào thể hiện việc chuyển nhượng, hay tặng cho quyền sử dụng đất nói trên.

Năm 2015, khi 5 chị em bà X về UBND xã Quỳnh Ngh để X cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 351, tờ bản đồ số 5 (BĐ 299) nay là thửa số 702, tờ bản đồ số 115-74 của bố mẹ để lại, thì mới được biết năm 1997 ông Trương Đắc Th6 trong quá trình ở nhà đã tự ý kê khai thửa đất của ông Trương Đắc Nh1 và Nguyễn Thị H1 để lại nói trên nhập vào bìa đỏ của ông Trương Đắc Th6. Trên cơ sở đó, UBND huyện Quỳnh L1 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 135352, số vào sổ 64 vào ngày 08/3/1997 cho ông Trương Đắc Th6. Việc ông Trương Đắc Th6 tự ý kê khai thửa đất này làm thủ tục cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của 5 chị em bà X là những người thuộc hàng thừa kế thứ 01 của ông Trương Đắc Nh1 và bà Nguyễn Thị H1 là trái pháp luật. Do đó, UBND huyện Quỳnh L1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 351, tờ bản đồ số 5 (BĐ 299) nay là thửa số 702, tờ bản đồ số 115-74 BĐĐC nói trên cho ông Trương Th6 và bà Hồ Thị Th1 là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị X, Trương Thị Nh, Trương Thị Tr, Trương Thị M, Trương Thị L3, vi phạm quy định của pháp luật. Nay bà X, bà L3, bà Nh, bà Tr, bà M yêu cầu:

- Buộc bà Hồ Thị Th1 và các con của bà Th1 (Trương Đắc Th3, Trương Ch, Trương Thị Th4; Trương Thị Th5) là những người thừa kế của ông Trương

Đắc Th6 (Trương Th6) trả lại quyền sử dụng đất thửa số 351, tờ bản đồ số 5, có diện tích 363m^2 (diện tích đo thực tế là 331,7m^2) tại thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An và các tài sản trên đất cho bà.

Thu hồi và Hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 135352 đối với thửa đất số 351, tờ bản đồ số 5, có diện tích 363m^2 (diện tích đo thực tế là 331,7m^2) tại thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An, do UBND huyện Quỳnh L1 cấp cho ông Trương Đắc Th6 (Trương Th6) và bà Hồ Thị Th1 vào ngày 08/3/1997 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Bà Hồ Thị Th1; các anh Trương Đắc Th3, Trương Ch, Trương Thị Th4, Trương Thị Th5 (Các con của vợ chồng bà Th1, ông Th6) và các người đại diện theo ủy quyền của anh Th3, anh Ch, chị Th5, chị Th4 thống nhất trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp nêu trên là đất của ông bà nội ông Trương Th6 chồng bà Th1 để lại. Ông nội của ông Trương Th6 là ông Trương Đắc T, có hai vợ là bà Đinh Thị L3 và bà Hoàng Thị Ng2 (Bà Ng2 là vợ kế của ông T). Hiện nay, bà Hồ Thị Th1 (Vợ ông Trương Th6) là chủ sử dụng diện tích 363m^2 đất tại tờ bản đồ số 115 - 74 thửa số 702 thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Gia đình ông bà nội có 06 người con là: Trương Đắc Nh1 (đã mất năm 1988), Trương Đắc Ng3 (đã mất năm 1978), Trương Đắc L4 (đã mất năm 1986), Trương Đắc L4 (Liệt sỹ hy sinh năm 1949), Trương Thị C1 (còn sống), Hồ Thị Đ3 (Bà Đ3 chết năm 2016).

Bà Th1 cho rằng, theo lời ông Trương Th6 chồng bà Th1 kể lại, khi còn sống thì nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của ông bà tổ tiên để lại cho ông T, các con ông T vẫn sinh sống trên diện tích đất này đến khi dựng vợ, gả chồng. Còn lại bố mẹ chồng bà Th1 là gia đình ông Ng3 và gia đình ông Nh1 (Anh trai ông Ng3) ở trên mảnh đất này. Ông Nh1 ở tại ngôi nhà mà ông nội chồng bà Th1, còn ông Ng3 xây nhà riêng ở trên mảnh đất đó ở cùng vợ con. Do điều kiện chỗ ở chật chội, bố mẹ chồng bà Th1 (Ông Ng3) đi đến chỗ ông bà ngoại ở, để cho gia đình ông Nh1 mượn nhà để sinh hoạt. Năm 1984, khi ông Nh1 tuổi cao, sức yếu, anh em bàn bạc với nhau giao diện tích đất nói trên cho cháu đích tôn là ông Trương Th6 (Trương Đắc Th6) chồng bà Th1 quản lý, sử dụng và ông Th6 có trách nhiệm thờ tự ông bà, tổ tiên. Những người có mặt hôm đó gồm: Ông Trương Đắc Q2, ông Trương Đắc M1, ông Trương Đắc A (Trưởng họ) và bà Trương Thị C1, hiện các ông Q2, ông M1, ông A đã chết chỉ còn bà C1 còn sống.

Năm 1988, ông Nh1 mất, đến năm 1991, bà X con ông Nh1 cùng những người trong anh em, họ tộc đã thống nhất để vợ chồng bà Th1 rước ông bà, tổ tiên về nhà vợ chồng bà thờ tự. Vợ chồng bà Th1, ông Th6 tiếp quản diện tích đất của ông, bà để lại, với mong muốn khi kinh tế bớt khó khăn sẽ xây dựng nơi thờ tự ông bà, tổ tiên tại mảnh đất này. Những người làm chứng sự việc trên gồm có:

Ông Trương Đắc Q2, ông Trương Đắc M1, ông Trương Đắc A, bà Trương Thị C1, ông Trương Đắc Đ2, ông Trương Đắc Cầu, ông Trương Đắc Kh1, ông Trương Đắc Bảy, hiện các ông Q2, ông M1, ông A đã chết.

Gia đình bà Th1 sử dụng ổn định diện tích đất này từ đó đến nay. Năm 1997, khi Xã có chủ trương, kê khai đồng loạt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Bà M là con ông Nh1 ở chỉ cách diện tích đất tranh chấp 100 mét, bà M biết rõ vợ chồng bà Th1, ông Th6, kê khai làm thủ tục cấp đất vẫn không có ý kiến gì. Vợ chồng bà Th1, ông Th6 là con trưởng trong nhà, nên chồng bà (Ông Trương Th6) có trách nhiệm gìn giữ đất ông cha để làm nơi thờ tự. Bà Th1 khẳng định, diện tích đất này không phải của ông Trương Đắc Nh1, mà là của ông bà, tổ tiên để lại. Vì những lý do trên, bà Hồ Thị Th1 và các anh Trương Đắc Th3, Trương Ch, Trương Thị Th4, Trương Thị Th5 (Các con của vợ chồng bà Th1, ông Th6) không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X và các bà con của ông Nh1, bà H1.

Bà Trương Thị C1 trình bày: Nguồn gốc diện tích thửa đất hiện đang tranh chấp là do của ông bà tổ tiên để lại cho bố mẹ bà C1 là ông Trương Đắc T và bà Đinh Thị L3. Gia đình ông Trương Đắc Ng3 (Bố chồng bà Th1) cũng đã từng sinh sống trong nhà của cụ T, cụ L3 trên thửa đất nhưng sau đó vì chật chội nên chuyển về bên ngoại ở và hiện đang còn một phần móng nhà của cụ T, cụ L3. Do đó diện tích thửa đất không phải là của vợ chồng ông Nh1, bà H1 (bố mẹ bà X) mà là của tổ tiên vợ chồng cụ T, cụ L3 để lại. Nay bà C1 yêu cầu để lại thửa đất làm nơi thờ cúng tổ tiên, nếu không được thì đề nghị Tòa án xem xét theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho mẹ con, bà Th1.

Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã gửi, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh L1 không có ý kiến gì, cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng.

Thửa đất theo thẩm định và định giá ngày 29/8/2017 hiện có diện tích 331,7m^2, trị giá 165.850.000đ và một số cây trị giá 440.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ Điều 255, 256 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; Điều 34, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị X; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Thị C1. Tuyên xử:

1. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 135352 đối với thửa đất số 351, tờ bản đồ số 5, có diện tích 363m^2 (diện tích đo thực tế là 331,7m^2) tại thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An, do UBND

huyện Quỳnh L1 cấp cho ông Trương Th6 (Trương Đắc Th6) ngày 08/3/1997 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

2. Buộc bà Hồ Thị Th1 và các anh Trương Đắc Th3, Trương Ch, chị Trương Thị Th4, chị Trương Thị Th5 (Vợ và các con của ông Trương Th6) trả lại cho các con của cụ Trương Nhân và cụ Nguyễn Thị H1 (Bà Trương Thị X, bà Trương Thị L3, bà Trương Thị Nh, bà Trương Thị Tr, bà Trương Thị M) 331,7m^2 đất thổ cư, theo bản đồ đo đạc 299 thuộc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 702, tờ bản đồ số 115-74) tại thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Hồ Ngọc Châu có chiều dài 9,38m + l,42m; Phía Nam giáp đường thôn có chiều dài 14,06m; Phía Tây giáp đất ông Hồ Ngọc Châu có chiều dài 15,09m + 7,0m; Phía Đông giáp phần đất ông Th6 và ông Bùi Hạ có chiều dài 16, 61m + l,42m + 10,32m và được sở hữu số cây trên diện tích đất nêu trên (Có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc các bà Trương Thị X, bà Trương Thị L3, bà Trương Thị Nh, bà Trương Thị Tr, bà Trương Thị M (Các con của vợ chồng cụ Nh1, cụ H1) phải thanh toán cho bà Hồ Thị Th1 và các anh Trương Đắc Th3, Trương Ch, chị Trương Thị Th4, chị Trương Thị Th5 công sức quản lý diện tích thửa đất là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Chia kỷ phần mỗi người 10.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Thị C1 về việc cho rằng; 331,7m^2 đất thổ cư, theo bản đồ đo đạc 299 thuộc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 702, tờ bản đồ số 115-74) tại thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An là của ông bà tổ tiên của bà C1 để lại.

Các đương sự và những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về Đất đai

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/11/2018, nguyên đơn bà Trương Thị X có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý thanh toán công sức quản lý thửa đất là 50.000.000 đồng cho bà Th1 và những người khác như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngày 05/11/2018, bị đơn bà Hồ Thị Th1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị C1, anh Trương Đắc Th3, anh Trương Cho, chị Trương Thị Th4, chị Trương Thị Th5 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 05/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 1996/KNPT-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy

bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trương Thị X và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn bà Hồ Thị Th1 và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu của bà Th1 là đúng, vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu theo đúng quy định của Điều 6, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra các nhận định không đúng, không làm sáng tỏ nội dung xác nhận của UBND xã Quỳnh Ngh về nguồn gốc đất; không làm sáng tỏ yêu cầu của người liên quan là bà Trương Thị C1; Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ, tài liệu không khách quan, lời khai của bị đơn, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều mâu thuẫn không được làm rõ. Trong vụ án này, bà Th1 có đủ căn cứ xác định bà là người có quyền sử dụng đất hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai phạm, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Trương Thị Tr và bà Trương Thị M nhất trí với trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị X và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- Ông Trương Văn Kh1, ông Trương Đắc Đ2 nhất trí với trình bày của bị đơn bà Hồ Thị Th1 và đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Đơn kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An được gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, hình thức của đơn kháng cáo, kháng nghị tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được xác định là hợp lệ.

+ Trong quá thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Những người tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa hôm nay đã được hỏi, đối đáp, tranh luận và phát biểu quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm về giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật; Quyết định của bản án chưa cụ thể; giải quyết án phí chưa

đảm bảo quyền lợi của đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An được gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, hình thức của đơn kháng cáo, kháng nghị tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Kiện đòi lại tài sản và Hủy quyết định cá biệt" là có căn cứ.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Trương Thị C1, anh Trương Đắc Th3, anh Trương Ch, chị Trương Thị Th4, chị Trương Thị Th5 vắng mặt tuy nhiên đã được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập và xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Trương Thị X khởi kiện yêu cầu buộc bà Hồ Thị Th1 và các con của bà Hồ Thị Th1 và ông Trương Đắc Th6 (Trương Th6) trả lại quyền sử dụng đất thửa số 351, tờ bản đồ số 5, có diện tích 363m^2 (diện tích đo thực tế là 331,7m^2) tại thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An và các tài sản trên đất cho bà X, bà Nh, bà Tr, bà M, bà L3; thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 135352, số vào sổ 64 đối với thửa đất 351, tờ bản đồ số 5 bản đồ 299, có diện tích 363m^2 đất tại thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh, Quỳnh L1 do UBND huyện Quỳnh L1 cấp cho ông Trương Th6 và bà Hồ Thị Th1 ngày 08/3/1997 và quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có). Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị X và UBND huyện Quỳnh L1 không cung cấp cho Tòa án quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Quỳnh L1 cấp cho ông Trương Th6; bị đơn bà Hồ Thị Th1 chỉ cung cấp cho Tòa án bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Quỳnh L1 cấp cho ông Trương Th6 không có công chứng, chứng thực.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Quỳnh L1 cấp cho ông Trương Th6 ngày 08/3/1997 và lời khai

của bà Th1 về việc bà đang quản lý bản gốc và đã trực tiếp photocopy gửi cho Tòa án để làm căn cứ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trương Th6 là không có cơ sở và không đúng theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự về Xác định chứng cứ. Ngoài ra, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung UBND huyện Quỳnh L1 cấp cho ông Trương Th6 ngày 08/3/1997 có số I 135370 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 135352 là không chính xác; Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nhưng không ghi số, ngày quyết định, cơ quan ban hành quyết định, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[2.2] Về yêu cầu của bà Trương Thị C1 trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trương Thị C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 08/9/2017, bà C1 có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích 363m^2 đất tại tờ bản đồ số 115 - 74 thửa số 702 thôn Hòa Bình, xã Quỳnh Ngh là tài sản chung của anh em bà C1. Vì vậy, theo quy định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự là yêu cầu độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu phản tố là không đúng quy định pháp luật. Mặt khác, Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà C1 nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của bà C1; xác định và đưa những người con của cụ Trương Đắc T, cụ Đinh Thị L3 và cụ Hoàng Thị Ng2 vào tham gia tố tụng và tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải là không đúng quy định tại Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Th1 và các con của ông Th6 có công sức trong việc quản lý, trông coi đất nên quyết định buộc các bà Trương Thị X, Trương Thị L3, Trương Thị Nh, Trương Thị Tr, Trương Thị M phải thanh toán cho bà Hồ Thị Th1 và anh Trương Đắc Th3, anh Trương Ch, chị Trương Thị Th4, chị Trương Thị Th5 công sức quản lý diện tích thửa đất là 50.000.000 đồng. Chia kỷ phần mỗi người 10.000.000 đồng, tuy nhiên quyết định của bản án không nêu rõ kỷ phần của mỗi người phải trích công sức hay kỷ phần của mỗi người được nhận tiền trích công sức là chưa cụ thể, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[2.4] Bà Hồ Thị Th1 sinh năm 1954. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Th1 là người cao tuổi được miễn tiền án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn cho bà Th1 làm thủ tục miễn tiền án phí là chưa đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2.5] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có một số vi phạm làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Những vi phạm

này, Tòa án cấp phúc thẩm không bổ sung tại phiên tòa được. Do đó, cần thiết phải hủy án sơ thẩm thì mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.6] Các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[2.7] Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm được xác định lại, khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

[2.8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Trương Thị X, bà Hồ Thị Th1; bà Trương Thị C1, anh Trương Đắc Th3, anh Trương Ch, chị Trương Thị Th4, chị Trương Thị Th5, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại bà Trương Thị X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000903 ngày 19/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Trả lại bà Hồ Thị Th1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000898 ngày 13/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Trả lại chị Trương Thị Th4 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000899 ngày 13/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Trả lại bà Trương Thị C1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000900 ngày 13/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS; PHCTP.

Ngô Tự Học